

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
8	LAGI32	3	Dài số tuyến tính và Hình học giải tích A2_02(Toán2 22)	Trần Đức Dũng	10/02/2025-25/05/2025	15									3,4,5	3A.304			
9	LAGI32	3	Dài số tuyến tính và Hình học giải tích A2_03(TT 22)	Phạm Hồng Nam	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3A.401											
10	SIL221	2	Đạo đức nghề luật_02(DVPL 22)	Lương Thị Hạnh	10/02/2025-18/05/2025	14					1,2,3	3A.503							
11	SJD131	3	Địa lý Hàn Quốc_01(HQ1 22)	Hoàng Lâm	10/02/2025-04/05/2025	12							7,8	3A.104					
				Đỗ Thị Vân Hương		12			7,8	3A.104									
				Đỗ Thị Vân Hương		12							10,11	3A.202					
12	SJD131	3	Địa lý Hàn Quốc_02(HQ2 22)	Hoàng Lâm	17/02/2025-04/05/2025	11			10,11	3A.202									
13	ANAI32	3	Giải tích A2_01(Toán1 22)	Nguyễn Song Hà	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2,3	3A.401			
14	ANAI32	3	Giải tích A2_02(Toán2 22)	Dương Thị Hồng	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2,3	3A.304							
15	ANAI32	3	Giải tích A2_03(TT 22)	Nguyễn Thanh Hương	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.401									
16	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_01 (Luật1 22)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10					1,2,3	Sân tập 1							
17	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_02 (Luật2 22)	Dương Văn Tiếp	10/02/2025-20/04/2025	10											1,2,3	Sân tập 1	
18	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_03 (KHQL1 22)	Đỗ Thái Phong	10/02/2025-20/04/2025	10			9,10,11	Sân tập 1									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
19	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_04 (KHQL2 22, TV 22)	Đỗ Thái Phong	10/02/2025-20/04/2025	10					9,10,11	Sân tập 1							
20	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_05 (QTTDV1 22, DL 22)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10							8,9,10	Sân tập 1					
21	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_06 (QTTDV2 22, DL 22)	Dương Minh Cường	10/02/2025-20/04/2025	10							9,10,11	Sân tập 1					
22	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_07 (BC 22, QL.TN 22)	Đỗ Thái Phong	10/02/2025-20/04/2025	10	9,10,11	Sân tập 1											
23	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_08 (TT 22, Lý 22)	Dương Minh Cường	10/02/2025-20/04/2025	10							1,2,3	Sân tập 1					
24	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_09 (Toán1 22)	Đỗ Thái Phong	10/02/2025-20/04/2025	10					1,2,3	Sân tập 1							
25	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_10 (Toán2 22)	Đỗ Thái Phong	10/02/2025-20/04/2025	10	1,2,3	Sân tập 1											
26	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_11 (HQ1 22)	Đỗ Thái Phong	10/02/2025-20/04/2025	10			2,3,4	Sân tập 1									
27	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_12 (HQ2 22)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10			1,2,3	Sân tập 1									
28	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_13 (Anh1 22, HóaCN 22, HóaGV 22)	Dương Minh Cường	10/02/2025-20/04/2025	10									8,9,10	Sân tập 1			
29	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_14 (AT1 22, HóaCN 21)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10											8,9,10	Sân tập 1	
30	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_15 (AT2 22, AH 22)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10					9,10,11	Sân tập 1							
31	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_16 (AT3 22, DTTS 22)	Dương Văn Tiếp	10/02/2025-20/04/2025	10									9,10,11	Sân tập 1			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
32	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_17 (CTXH 22, AH 22)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10			8,9,10	Sân tập 1							9,10,11	Sân tập 1	
33	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_18 (DVP L 22, CNSH 22, Anh2 22)	Đỗ Thái Phong	10/02/2025-20/04/2025	10													
34	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_01 (TQ1 22)	Dương Minh Cường	10/02/2025-20/04/2025	10				1,2,3	CL1								
35	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_02 (TQ2 22)	Lê Trung Kiên	10/02/2025-20/04/2025	10									4,5,6	CL1			
36	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_03 (TQ3 22)	Hoàng Minh Tuấn	10/02/2025-20/04/2025	10				2,3,4	CL1								
37	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_04 (TQ4 22)	Dương Văn Tiếp	10/02/2025-20/04/2025	10						1,2,3	CL1						
38	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_05 (TQ5 22)	Dương Văn Tiếp	10/02/2025-20/04/2025	10	8,9,10	CL1											
39	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_06 (TQ6 22)	Dương Văn Tiếp	10/02/2025-20/04/2025	10											9,10,11	CL1	
40	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_07 (TQ7 22)	Dương Minh Cường	10/02/2025-20/04/2025	10	9,10,11	CL1											
41	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_08 (TQ8 22)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10	2,3,4	CL1											
42	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_09 (TQ9 22)	Lê Trung Kiên	10/02/2025-20/04/2025	10									1,2,3	CL1			
43	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_10 (Sư1 22)	Dương Văn Tiếp	10/02/2025-20/04/2025	10	1,2,3	CL1											
44	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_11 (Sư2 22)	Lê Trung Kiên	10/02/2025-20/04/2025	10			1,2,3	CL1									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
45	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_12 (Văn1 22)	Nguyễn Đức Toàn	10/02/2025-20/04/2025	10											3,4,5	CL1	
46	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_13 (Văn2 22)	Hoàng Minh Tuấn	10/02/2025-20/04/2025	10							2,3,4	CL1					
47	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_14 (Th7S 22)	Hoàng Minh Tuấn	10/02/2025-20/04/2025	10											1,2,3	CL1	
48	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_15 (Th7C 22)	Hoàng Minh Tuấn	10/02/2025-20/04/2025	10											8,9,10	CL1	
49	MCE131	3	Giáo tiếp đa văn hóa trong cộng đồng các DTTS VN_01 (DTTS 22)	Hoàng Thị Phương Nga	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2,3	3A.402			
50	GEC131	3	Hóa đại cương_01 (QLTN 22)	Nguyễn Thị Hồng Hoa	10/02/2025-04/05/2025	12							7,8,9,10,11	PTN	1,2,3	3A.203			
				Nguyễn Thị Hồng Linh	21/04/2025-18/05/2025	4													
51	GCH231	3	Hóa học cơ sở_01 (HóaGV 22)	Trương Thị Thảo	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.505									
52	INC231	3	Hóa vô cơ_01 (HóaGV 22, HóaCN 22)	Nguyễn Thị Ngọc Linh	10/02/2025-25/05/2025	15					7,8,9	3A.501							
53	DJU231	3	Khởi nghiệp_02 (Anh1 22, Anh2 22)	Trần Thị Hồng	10/02/2025-25/05/2025	15					7,8,9,10	3A.502							
54	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _02 (Luật1 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2	3A.301											
55	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _03 (Luật2 22)	Đinh Thị Hiền	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2	3A.302									
56	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _04 (Luật1 22, Luật2 22)	Đinh Thị Hiền	10/02/2025-25/05/2025	15			4,5	3A.301									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
57	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _05(Anh1 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025- 25/05/2025	15									1,2	3A.201			
58	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _06(Anh2 22, AH 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025- 25/05/2025	15			4,5	3A.402									
59	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _07(AT1 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025- 25/05/2025	15									4,5	3A.101			
60	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _08(AT2 22)	Trương Thị Thảo Nguyễn	10/02/2025- 25/05/2025	15									1,2	3A.103			
61	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _09(AT3 22)	Trương Thị Thảo Nguyễn	10/02/2025- 25/05/2025	15										3,4	3A.104		
62	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _10(AT1 22, AT2 22, AT3 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	10/02/2025- 25/05/2025	15							1,2	3A.103					
63	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _11(TQ1 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	10/02/2025- 25/05/2025	15			4,5	3B.103									
64	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _12(TQ2 22)	Đinh Thị Hiền	10/02/2025- 25/05/2025	15							1,2	3B.103					
65	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _13(TQ3 22)	Trình Thị Nghĩa	10/02/2025- 25/05/2025	15							4,5	3B.102					
66	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _14(TQ4 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025- 25/05/2025	15	1,2	3B.202											
67	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _15(TQ5 22)	Trương Thị Thảo Nguyễn	10/02/2025- 25/05/2025	15					4,5	3B.204							
68	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _16(TQ6 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025- 25/05/2025	15	4,5	3B.401											
69	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _17(TQ7 22)	Đinh Thị Hiền	10/02/2025- 25/05/2025	15							4,5	3B.402					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
70	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _18(TQ8 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025- 25/05/2025	15					1,2	3B.403							
71	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _19(TQ9 22)	Trịnh Thị Nghĩa	10/02/2025- 25/05/2025	15	4,5	3B.304											
72	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _20(TQ1 22, TQ2 22, TQ3 22)	Trịnh Thị Nghĩa	10/02/2025- 25/05/2025	15					7,8	3B.501							
73	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _21(TQ4 22, TQ5 22, TQ6 22)	Đinh Thị Hiền	10/02/2025- 25/05/2025	15							10,11	3B.501					
74	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _22(TQ7 22, TQ8 22, TQ9 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	10/02/2025- 25/05/2025	15									7,8	3B.501			
75	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin _23(Lý 22, HóaCN 22, DTT 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	10/02/2025- 25/05/2025	15					10,11	3A.202							
76	SIN231	3	Kỹ năng đọc viết Tiếng Anh B1_01(CNSH 22, DVPL 22)	Dương Thị Thảo	10/02/2025- 25/05/2025	15									1,2,3	3A.503			
77	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_01(TQ1 22)	Phạm Thị Vân Huyền	10/02/2025- 25/05/2025	15			1,2,3	3B.103									
78	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_02(TQ2 22)	Phạm Thị Vân Huyền	10/02/2025- 25/05/2025	15		1,2,3	3B.103										
79	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_03(TQ3 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	10/02/2025- 25/05/2025	15									1,2,3	3B.102			
80	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_04(TQ4 22)	Nghiêm Thị Hò Thu	10/02/2025- 25/05/2025	15					1,2,3	3B.202							
81	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_05(TQ5 22)	Nghiêm Thị Hò Thu	10/02/2025- 25/05/2025	15									3,4,5	3B.204			
82	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_06(TQ6 22)	Nghiêm Thị Hò Thu	10/02/2025- 25/05/2025	15			3,4,5	3B.401									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
83	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_07(TQ7 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3B.402					
84	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_08(TQ8 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3B.403							
85	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_09(TQ9 22, Sứ 20, TV 20)	Nghiêm Thị Hò	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3B.304											
86	SCS131	3	Kỹ năng giao tiếp trong CTXH_01(CTXH 22)	Nguyễn Thị Ngọc Mai	10/02/2025-25/05/2025	15			4,5	3B.302									
87	SK1241	4	Kỹ năng nghe nói Tiếng Anh B1_01(CNSH 22, DVPL 22)	Nguyễn Thị Quế	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2	3A.503									
				Nguyễn Thị Quế															
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6					1,2	3B.302							
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6							1,2	3B.302					
88	COK231	3	Kỹ năng truyền thông_01 (KHQL1 22)	Nguyễn Thị Trà Mỹ	26/05/2025-01/06/2025	1			1,2,3	3B.302									
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6													
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6													
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6							4,5	3B.101					
89	COK231	3	Kỹ năng truyền thông_02 (KHQL2 22)	Nguyễn Thị Trà Mỹ	26/05/2025-01/06/2025	1													
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6			4,5	3B.501									
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6													
				Nguyễn Thị Trà Mỹ		6													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
90	GIU441	4	Lịch sử thế giới cận đại_01 (Sư1 22)	Dương Thị Huyền	10/02/2025-06/04/2025	8											2,3,4,5	3A.202	
				Vũ Thị Hà	07/04/2025-25/05/2025	7											2,3,4,5	3A.202	
91	GIU441	4	Lịch sử thế giới cận đại_02 (Sư2 22)	Dương Thị Huyền	10/02/2025-06/04/2025	8					2,3	3A.204	4,5	3A.204					
				Vũ Thị Hà	07/04/2025-25/05/2025	7							4,5	3A.204					
				Vũ Thị Hà		7					2,3	3A.204							
				Dương Thị Huyền	10/02/2025-25/05/2025	15					9,10,11	3A.103							
92	HIC132	3	Lịch sử văn minh thế giới_01 (HQ1 22)	Dương Thị Huyền	10/02/2025-25/05/2025	15							7,8,9	3A.202					
93	HIC132	3	Lịch sử văn minh thế giới_02 (HQ2 22)	Dương Thị Huyền	10/02/2025-25/05/2025	15													
94	GKU441	4	Lịch sử Việt Nam cận đại_01 (Sư1 22)	Nguyễn Đại Đồng	10/02/2025-06/04/2025	8							4,5	3A.202					
				Nguyễn Đại Đồng		8													
				Đoàn Thị Yên	07/04/2025-25/05/2025	7							4,5	3A.202					
				Đoàn Thị Yên		7					2,3	3A.202							

3A.202

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
95	GKU441	4	Lịch sử Việt Nam cận đại_01 (Sư2 22)	Nguyễn Đại Đồng	10/02/2025-06/04/2025	8	1,2	3A.204											
				Nguyễn Đại Đồng		8					4,5	3A.204							
				Đoàn Thị Yến	07/04/2025-25/05/2025	7	1,2	3A.204											
				Đoàn Thị Yến		7					4,5	3A.204							
96	LOG223	2	Logic học_01(Luật1 22)	Nguyễn Thị Linh	10/02/2025-04/05/2025	12							3,4,5	3A.301					
97	LOG223	2	Logic học_02(Luật2 22)	Nguyễn Thị Linh	10/02/2025-04/05/2025	12									1,2,3	3A.302			
98	ADL331	3	Luật Hành chính_01(Luật1 22)	Lê Thanh Huyền	10/02/2025-11/05/2025	13			10,11	3A.302							4,5	3A.301	
				Lê Thanh Huyền		13					2,3	3A.301							
				Lê Thanh Huyền	10/02/2025-11/05/2025	13			8,9	3A.302									
99	ADL331	3	Luật Hành chính_02(Luật2 22)	Lê Thanh Huyền															
100	ADL331	3	Luật Hành chính_03(DVPL 22)	Lê Thanh Huyền	10/02/2025-18/05/2025	14					4,5	3A.503							
				Lê Thanh Huyền		14							4,5	3A.503					
				Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/02/2025-11/05/2025	13					9,10,11	3A.301							
101	CNL341	4	Luật Hiến pháp_01(Luật1 22)	Nguyễn Thị Hoàng Lan		13							1,2	3A.301					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
102	CNL341	4	Luật Hiến pháp_02(Luật2 22)	Nguyễn Thị Hoàng Lan Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/02/2025-11/05/2025	13					4,5	3A.401	3,4,5	3A.302					
103	CNL231	3	Luật Hiến pháp_03(DVPL 22)	Nguyễn Thị Hoàng Lan Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/02/2025-18/05/2025	14	10,11	3B.101											
104	LTH331	3	Lý luận văn học 1_01(Văn1 22)	Phùng Phương Nga	10/02/2025-25/05/2025	15			3,4,5	3A.404									
105	LTH331	3	Lý luận văn học 1_02(Văn2 22)	Phùng Phương Nga	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3A.302							4,5	3B.103			
106	LFC132	3	Nghệ - ghi chú tiếng Trung 2_01(TQ1 22)	Ngô Xuân Hương Ngô Xuân Hương	10/02/2025-04/05/2025	12													
107	LFC132	3	Nghệ - ghi chú tiếng Trung 2_02(TQ2 22)	Ngô Xuân Hương Ngô Xuân Hương	10/02/2025-04/05/2025	12	4,5	3B.103			1,2,3	3B.103							
108	LFC132	3	Nghệ - ghi chú tiếng Trung 2_03(TQ3 22)	Ngô Xuân Hương Ngô Xuân Hương	10/02/2025-04/05/2025	12			4,5	3B.102			1,2,3	3B.102					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
109	LFC132	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 2_04(TQ4 22)	Ngô Xuân Hương	10/02/2025-04/05/2025	12					4,5	3B.202							
				Ngô Xuân Hương		12									1,2,3	3B.202			
110	LFC132	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 2_05(TQ5 22)	Ngô Xuân Hương	10/02/2025-04/05/2025	12							4,5	3B.204					
				Ngô Xuân Hương		12			1,2,3	3B.204									
111	LFC132	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 2_06(TQ6 22)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	10/02/2025-04/05/2025	12	1,2,3	3B.401											
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12					4,5	3B.401							
112	LFC132	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 2_07(TQ7 22)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	10/02/2025-04/05/2025	12					1,2,3	3B.402							
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12	4,5	3B.402											
113	LFC132	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 2_08(TQ8 22)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	10/02/2025-04/05/2025	12			3,4,5	3B.403									
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12					4,5	3B.403							
114	LFC132	3	Nghe - ghi chú tiếng Trung 2_09(TQ9 22)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	10/02/2025-04/05/2025	12							1,2,3	3B.304					
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		12			1,2	3B.304									
115	PRO231	3	Nguồn ngữ lập trình_01(Toán1 22)	Bùi Đức Việt	10/02/2025-25/05/2025	15									4,5	3A.401			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
116	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_01(Toán1 22)_TH1	Bùi Đức Việt	17/03/2025-25/05/2025	10			7,8,9	PM 3									
117	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_01(Toán1 22)_TH2	Bùi Đức Việt	17/03/2025-25/05/2025	10					9,10,11	PM 3							
118	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_01(Toán1 22)_TH3	Bùi Đức Việt	17/03/2025-25/05/2025	10							7,8,9	PM 3					
119	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_02(Toán2 22)	Bùi Đức Việt	10/02/2025-25/05/2025	15							4,5	3A.304					
120	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_02(Toán2 22)_TH1	Bùi Đức Việt	17/03/2025-25/05/2025	10			9,10,11	PM 3									
121	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_02(Toán2 22)_TH2	Bùi Đức Việt	17/03/2025-25/05/2025	10					7,8,9	PM 3							
122	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_02(Toán2 22)_TH3	Bùi Đức Việt	17/03/2025-25/05/2025	10							9,10,11	PM 3					
123	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_03(TT 22)	Hoàng Thị Hà	10/02/2025-25/05/2025	15			4,5	3A.401									
124	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_03(TT 22)_TH1	Hoàng Thị Hà	17/03/2025-25/05/2025	10										7,8,9	PM 3		
125	PRO231	3	Ngôn ngữ lập trình_03(TT 22)_TH2	Hoàng Thị Hà	17/03/2025-25/05/2025	10										9,10,11	PM 3		
126	GSD231	3	Ngữ pháp tiếng Hàn_01(HQ1 22)	Trần Thị Thanh Hương	10/02/2025-25/05/2025	15							9,10,11	3A.104					
127	GSD231	3	Ngữ pháp tiếng Hàn_02(HQ2 22)	Trần Thị Thanh Hương	10/02/2025-25/05/2025	15	9,10,11	3A.202											
128	GSD231	3	Ngữ pháp tiếng Hàn_03(HQ1 22, HQ2 22)	Trần Thị Thanh Hương	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3A.503					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
129	GSD231	3	Ngữ pháp tiếng Hàn_04(AH 22)	Trần Thị Thanh Hương	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3A.505											
130	FJJ241	4	Ngữ pháp tiếng Trung_01(AT1 22)	Phạm Bắc Thanh	10/02/2025-04/05/2025	12			1,2,3	3A.101									
				Phạm Bắc Thanh		12							1,2	3A.101					
				Vi Thị Bích Ngọc		12	1,2,3	3A.103											
131	FJJ241	4	Ngữ pháp tiếng Trung_02(AT2 22)	Vi Thị Bích Ngọc	10/02/2025-04/05/2025	12					1,2	3A.103							
132	FJJ241	4	Ngữ pháp tiếng Trung_03(AT3 22)	Phan Thị Huệ	10/02/2025-04/05/2025	12			3,4,5	3A.104							1,2	3A.104	
				Phan Thị Huệ		12													
133	LIW322	2	Pháp luật đại cương_01(AT1 22)	Dương Thị Thúy	10/02/2025-25/05/2025	15												2,3	3A.101
134	LIW322	2	Pháp luật đại cương_02(AT2 22, TV 22)	Dương Thị Thúy	10/02/2025-25/05/2025	15												4,5	3A.101
135	LIW322	2	Pháp luật đại cương_03(AT3 22, DTTS 22)	Lê Thanh Huyền	10/02/2025-25/05/2025	15	4,5	3A.104											
136	LIW322	2	Pháp luật đại cương_04(Anh1 22, CNSH 22)	Dương Thị Xuân Quý	10/02/2025-06/04/2025	8							1,2	3A.201					
				Dương Thị Thúy	07/04/2025-25/05/2025	7							1,2	3A.201					
137	LIW322	2	Pháp luật đại cương_05(Anh2 22, AH 22)	Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/02/2025-30/03/2025	7									4,5	3A.402			
				Nguyễn Thị Thùy Giang	31/03/2025-25/05/2025	8									4,5	3A.402			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
138	LIW322	2	Pháp luật đại cương_06 (QTDV1 22, QL.TN 22)	Tổng Thị Thu Trang	10/02/2025-25/05/2025	15			4,5	3A.501									
139	LIW322	2	Pháp luật đại cương_07 (QTDV2 22, TD 22)	Tổng Thị Thu Trang	10/02/2025-25/05/2025	15							4,5	3A.502					
140	LIW322	2	Pháp luật đại cương_08(DL 22, HóaCN 22, HóaGV 22)	Nguyễn Thị Thùy Giang	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2	3A.304			
141	CFB231	3	Phong tục tập quán, lễ hội và tín ngưỡng DTTS_01(DTTS 22)	Trần Thế Dương	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.203									
142	FML231	3	Phường pháp điển đã ngôn ngữ học_01(DTTS 22)	Nguyễn Thị Trà Mỹ	17/02/2025-13/04/2025	8	12,13	online											
				Nguyễn Thị Trà Mỹ	14/04/2025-25/05/2025	6									4,5	3A.203			
				Nguyễn Thị Trà Mỹ	25/05/2025	6					3,4,5	3A.302							
143	RME231	3	Phường pháp luận NCKH_04(KHQL1 22)	Ngô Thị Lan	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3B.302							
144	RME231	3	Phường pháp luận NCKH_05(KHQL2 22)	Ngô Thị Lan	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3B.303									
145	RME231	3	Phường pháp luận NCKH_06(HQ1 22)	Nguyễn Thị Hiền	10/02/2025-25/05/2025	15	9,10,11	3A.104											
146	RME231	3	Phường pháp luận NCKH_07(HQ2 22)	Nguyễn Thị Hiền	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2,3	3B.102							
147	RME231	3	Phường pháp luận NCKH_08(CTXH 22, TV 22)	Nguyễn Thị Luyến	10/02/2025-25/05/2025	15									3,4,5	3A.502			
148	CRM331	3	Phường pháp NCKH hoá học_01(HóaCN 22)	Bùi Minh Quý	10/02/2025-25/05/2025	15			7,8,9	3A.505									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
149	TBA321	2	Quản trị kinh doanh du lịch_01(QTĐV1 22)	Hoàng Thị Phương Nga	10/02/2025-25/05/2025	15	4,5	3A.501											
150	TBA321	2	Quản trị kinh doanh du lịch_02(QTĐV2 22)	Hoàng Thị Phương Nga	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2	3A.502							
151	TPW331	3	Tác phẩm báo chí_01(BC 22)	Vũ Thị Hạnh	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.103							
152	LJP431	3	Tâm lý du lịch_01(QTĐV1 22)	Phùng Thị Kim Anh	10/02/2025-25/05/2025	15									3,4,5	3A.501			
153	LJP431	3	Tâm lý du lịch_02(QTĐV2 22)	Phùng Thị Kim Anh	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3A.502											
154	LJP431	3	Tâm lý du lịch_03(DL 22)	Phùng Thị Kim Anh	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.501							
155	DEP431	3	Tâm lý học phát triển_01(CTXH 22)	Nguyễn Thị Hồng Tâm	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3B.101											
156	LJP231	3	Tâm lý học tư pháp_01(Luật1 22)	Lê Văn Cảnh	10/02/2025-11/05/2025	13					4,5	3A.301							
				Lê Văn Cảnh		13	3,4	3A.301											
157	LJP231	3	Tâm lý học tư pháp_02(Luật2 22)	Lê Văn Cảnh	10/02/2025-11/05/2025	13							1,2	3A.302					
				Lê Văn Cảnh		13									4,5	3A.302			
158	HFG331	3	Thông tin học_01(TV 22, TV 21, TV 20)	Hà Thị Thu Hiếu	10/03/2025-01/06/2025	12									9,10,11	3A.505			
				Hà Thị Thu Hiếu	24/03/2025-01/06/2025	10							10,11	Thực hành					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
159	ENG143	4	Tiếng Anh 1B_01(AT1 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15	4,5	3A.101											
				Nguyễn Hải Quỳnh		15					4,5	3A.104							
160	ENG143	4	Tiếng Anh 1B_02(AT2 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15			4,5	3A.103									
				Nguyễn Hải Quỳnh		15							1,2	3A.501					
161	ENG143	4	Tiếng Anh 1B_03(AT3 22)	Nguyễn Hiền Nhân	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2	3A.104									
				Nguyễn Hiền Nhân		15							1,2	3A.104					
162	ENG143	4	Tiếng Anh 1B_04(AT1 22, AT2 22, AT3 22)	Nguyễn Hiền Nhân	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2	3A.101							
				Nguyễn Hiền Nhân		15			4,5	3A.101									
163	ENG143	4	Tiếng Anh 1B_05(Anh1 22)	Lại Thị Thanh	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2	3A.201					
				Lại Thị Thanh		15	4,5	3A.201											
164	ENG143	4	Tiếng Anh 1B_06(Anh2 22, AH 22)	Lại Thị Thanh	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2	3A.402											
				Lại Thị Thanh		15					4,5	3A.402							
165	ENG132	3	Tiếng Anh 2_01(BC 22, HóaCN 22, HóaGV 22)	Phùng Thị Hải Vân	10/02/2025-25/05/2025	15									3,4,5	3A.201			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
166	ENG132	3	Tiếng Anh 2_02(DL 22)	Mai Thị Lan Anh	10/02/2025-25/05/2025	15											7,8,9	3A.104	
167	ENG132	3	Tiếng Anh 2_03(QTĐV1 22)	Nguyễn Hiền Nhân	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3A.501					
168	ENG132	3	Tiếng Anh 2_04(QTĐV2 22)	Nguyễn Hiền Nhân	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.502							
169	ENG132	3	Tiếng Anh 2_05(Luật1 22)	Bùi Thị Ngoan	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2,3	3A.301			
170	ENG132	3	Tiếng Anh 2_06(Luật2 22)	Phan Thị Hòa	10/02/2025-25/05/2025	15			3,4,5	3A.302									
171	ENG132	3	Tiếng Anh 2_07(Luật1 22, Luật2 22)	Nguyễn Giang An	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.301									
172	ENG132	3	Tiếng Anh 2_08(KHQL1 22)	Phan Thị Hòa	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3B.401					
173	ENG132	3	Tiếng Anh 2_09(KHQL2 22)	Nguyễn Thị Phương Mai	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3B.303							
174	ENG132	3	Tiếng Anh 2_10(CTXH 22, DTTS 22)	Phùng Thị Hải Vân	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3B.201					
175	ENG132	3	Tiếng Anh 2_11(Sứ1 22)	Nguyễn Thị Tuyết	10/02/2025-25/05/2025	15			3,4,5	3A.202									
176	ENG132	3	Tiếng Anh 2_12(Sứ2 22)	Nguyễn Giang An	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3A.204											
177	ENG132	3	Tiếng Anh 2_13(Sứ1 22, Sử2 22)	Nguyễn Thị Tuyết	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3A.202					
178	ENG132	3	Tiếng Anh 2_14(Văn1 22)	Nguyễn Thị Tuyết	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3A.404											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
179	ENG132	3	Tiếng Anh 2_15(Văn2 22)	Nguyễn Thị Tuyết*	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.201									
180	ENG132	3	Tiếng Anh 2_16(Văn1 22, Văn2 22)	Nguyễn Thị Tuyết	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.404							
181	ENG132	3	Tiếng Anh 2_17(TT 22)	Nguyễn Giang An	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2,3	3A.401							
182	ENG132	3	Tiếng Anh 2_18(Toán1 22)	Nguyễn Thị Phương Mai	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3A.404					
183	ENG132	3	Tiếng Anh 2_19(Toán2 22)	Đỗ Tuyết Ngân	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3A.304					
184	ENG132	3	Tiếng Anh 2_20(Toán1 22, Toán2 22)	Nguyễn Thị Phương Mai	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.304									
185	ENG132	3	Tiếng Anh 2_21(TD 22, TV 22)	Bùi Thị Ngoan	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.505							
186	ENG132	3	Tiếng Anh 2_22(QL.TN 22, Lý 22)	Mai Thị Lan Anh	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3A.202											
187	EFB321	2	Tiếng Anh chuyên ngành CNSH_01(CNSH 22)	Trình Ngọc Hoàng	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2	3A.203											
188	FJK131	3	Tiếng Anh giao tiếp_01(AT1 22)	Bùi Thị Ngoan	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3A.101											
189	FJK131	3	Tiếng Anh giao tiếp_02(AT2 22)	Bùi Thị Ngoan	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.103									
190	FJK131	3	Tiếng Anh giao tiếp_03(AT3 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2,3	3A.104							
191	FJK131	3	Tiếng Anh giao tiếp_04(AT1 22, AT2 22, AT3 22, Sư 20)	Nguyễn Hải Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3A.103					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
192	FJK131	3	Tiếng Anh giao tiếp_05(Anh1 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3A.201											
193	FJK131	3	Tiếng Anh giao tiếp_06(Anh2 22, AH 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.402									
194	LJK132	3	Tiếng Hàn 2_01(HQ1 22)	Nguyễn Thị Linh	10/02/2025-25/05/2025	15			9,10,11	3A.104									
195	LJK132	3	Tiếng Hàn 2_02(HQ2 22)	Nguyễn Thị Linh	10/02/2025-25/05/2025	15					7,8,9	3A.202							
196	LJK132	3	Tiếng Hàn 2_03(HQ1 22, HQ2 22)	Nguyễn Thị Linh	10/02/2025-25/05/2025	15									3,4,5	3A.104			
197	LJK132	3	Tiếng Hàn 2_04(AH 22)	Nguyễn Thị Linh	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2,3	3A.402							
198	CHE232	3	Tiếng Trung 2_01(AT1 22)	Vũ Thảo Nhi	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3A.101					
199	CHE232	3	Tiếng Trung 2_02(AT2 22)	Vũ Thảo Nhi	10/02/2025-25/05/2025	15									3,4,5	3A.103			
200	CHE232	3	Tiếng Trung 2_03(AT3 22)	Ngô Thị Minh Loan	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3A.104					
201	CHE232	3	Tiếng Trung 2_04(AT1 22, AT2 22, AT3 22)	Ngô Thị Minh Loan	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.101							
202	CHE232	3	Tiếng Trung 2_05(Anh1 22)	Vũ Thảo Nhi	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.201							
203	CHE232	3	Tiếng Trung 2_06(Anh2 22, DL 22)	Vũ Thảo Nhi	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3A.402											
204	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_01 (TQ1 22)	Lương Thị Thanh Dung	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2,3	3B.103			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
205	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_02 (TQ2 22)	Lương Thị Thanh Dung	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3B.103					
206	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_03 (TQ3 22)	Lương Thị Thanh Dung	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3B.102									
207	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_04 (TQ4 22)	Lương Thị Thanh Dung	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3B.202											
208	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_05 (TQ5 22)	Lương Thị Thanh Dung	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2,3	3B.204							
209	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_06 (TQ6 22)	Triệu Văn Toàn	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2,3	3B.401							
210	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_07 (TQ7 22)	Triệu Văn Toàn	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3B.402											
211	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_08 (TQ8 22)	Triệu Văn Toàn	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3B.403					
212	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_09 (TQ9 22)	Triệu Văn Toàn	10/02/2025-25/05/2025	15			3,4,5	3B.304									
213	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_10 (TQ1 22, TQ2 22, TQ3 22)	Hoàng Kiều Trinh	10/02/2025-25/05/2025	15					9,10,11	3B.501							
214	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_11 (TQ4 22, TQ5 22, TQ6 22)	Hoàng Kiều Trinh	10/02/2025-25/05/2025	15							7,8,9	3B.501					
215	CDJ232	3	Tiếng Trung tổng hợp 2_12 (TQ7 22, TQ8 22, TQ9 22)	Hoàng Kiều Trinh	10/02/2025-25/05/2025	15									9,10,11	3B.501			
216	VIE341	4	Tiếng Việt 1_02(Văn1 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	10/02/2025-01/06/2025	16	4,5	3A.404											
				La Thị Mỹ Quỳnh		16			1,2	3A.404									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
217	VIE341	4	Tiếng Việt 1_03(Văn2 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	10/02/2025-01/06/2025	16	1,2	3A.302											
				La Thị Mỹ Quỳnh		16			4,5	3A.201									
218	GIF131	3	Tin học đại cương_01(TQ1 22)	Hoàng Hoài Nam	10/02/2025-25/05/2025	15	4,5	3B.102											
219	GIF131	3	Tin học đại cương_01(TQ1 22)_TH1	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10													
220	GIF131	3	Tin học đại cương_01(TQ1 22)_TH2	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10							1,2,3	PM 2					
221	GIF131	3	Tin học đại cương_01(TQ1 22)_TH3	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10							3,4,5	PM 1					
222	GIF131	3	Tin học đại cương_01(TQ1 22)_TH4	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10							3,4,5	PM 2					
223	GIF131	3	Tin học đại cương_02(TQ2 22)	Nguyễn Huyền Trang	10/02/2025-25/05/2025	15									9,10	3A.404			
224	GIF131	3	Tin học đại cương_02(TQ2 22)_TH1	Trịnh Thị Linh	17/03/2025-25/05/2025	10			1,2,3	PM 1									
225	GIF131	3	Tin học đại cương_02(TQ2 22)_TH2	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10			1,2,3	PM 2									
226	GIF131	3	Tin học đại cương_02(TQ2 22)_TH3	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10			3,4,5	PM 1									
227	GIF131	3	Tin học đại cương_02(TQ2 22)_TH4	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10			3,4,5	PM 2									
228	GIF131	3	Tin học đại cương_03(TQ3 22)	Nguyễn Huyền Trang	10/02/2025-25/05/2025	15									7,8	3A.404			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
229	GIF131	3	Tin học đại cương_03(TQ3 22)_TH1	Bế Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10	1,2,3	PM1											
230	GIF131	3	Tin học đại cương_03(TQ3 22)_TH2	Trịnh Thị Linh	17/03/2025-25/05/2025	10	1,2,3	PM3											
231	GIF131	3	Tin học đại cương_03(TQ3 22)_TH3	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10	3,4,5	PM1											
232	GIF131	3	Tin học đại cương_03(TQ3 22)_TH4	Nguyễn Hoàng	17/03/2025-25/05/2025	10	3,4,5	PM3											
233	GIF131	3	Tin học đại cương_04(TQ4 22)	Bùi Đức Việt	10/02/2025-25/05/2025	15									7,8	3A.202			
234	GIF131	3	Tin học đại cương_04(TQ4 22)_TH1	MG: Nguyễn Thị Ngân	17/03/2025-25/05/2025	10											1,2,3	PM3	
235	GIF131	3	Tin học đại cương_04(TQ4 22)_TH2	Nguyễn Hoàng	17/03/2025-25/05/2025	10											7,8,9	PM3	
236	GIF131	3	Tin học đại cương_04(TQ4 22)_TH3	MG: Nguyễn Thị Ngân	17/03/2025-25/05/2025	10											3,4,5	PM3	
237	GIF131	3	Tin học đại cương_04(TQ4 22)_TH4	Nguyễn Hoàng	17/03/2025-25/05/2025	10											9,10,11	PM3	
238	GIF131	3	Tin học đại cương_05(TQ5 22)	Hoàng Hoài Nam	10/02/2025-25/05/2025	15			4,5	3B.204									
239	GIF131	3	Tin học đại cương_05(TQ5 22)_TH1	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10	1,2,3	PM4											
240	GIF131	3	Tin học đại cương_05(TQ5 22)_TH2	Hoàng Thị Hà	17/03/2025-25/05/2025	10											7,8,9	PM4	
241	GIF131	3	Tin học đại cương_05(TQ5 22)_TH3	Trịnh Thị Linh	17/03/2025-25/05/2025	10							1,2,3	PM4					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
242	GIF131	3	Tin học đại cương_05(TQ5 22)_TH4	Bế Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10											1,2,3	PM 2	
243	GIF131	3	Tin học đại cương_06(TQ6 22)	MG: Nguyễn Thị Ngân	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2	3A.401					
244	GIF131	3	Tin học đại cương_06(TQ6 22)_TH1	Bế Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10									1,2,3	PM 2			
245	GIF131	3	Tin học đại cương_06(TQ6 22)_TH2	Bế Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10									3,4,5	PM 2			
246	GIF131	3	Tin học đại cương_06(TQ6 22)_TH3	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10	7,8,9	PM 4											
247	GIF131	3	Tin học đại cương_06(TQ6 22)_TH4	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10	9,10,11	PM 4											
248	GIF131	3	Tin học đại cương_07(TQ7 22)	Hoàng Hoài Nam	10/02/2025-25/05/2025	15					4,5	3B.402							
249	GIF131	3	Tin học đại cương_07(TQ7 22)_TH1	Bế Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10			1,2,3	PM 4									
250	GIF131	3	Tin học đại cương_07(TQ7 22)_TH2	Trịnh Thị Linh	17/03/2025-25/05/2025	10											1,2,3	PM 1	
251	GIF131	3	Tin học đại cương_07(TQ7 22)_TH3	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10									1,2,3	PM 4			
252	GIF131	3	Tin học đại cương_07(TQ7 22)_TH4	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10									3,4,5	PM 4			
253	GIF131	3	Tin học đại cương_08(TQ8 22)	Hoàng Hoài Nam	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2	3B.403									
254	GIF131	3	Tin học đại cương_08(TQ8 22)_TH1	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10	7,8,9	PM 3											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
255	GIF131	3	Tin học đại cương_08(TQ8 22)_TH2	Bùi Đức Việt	17/03/2025-25/05/2025	10	9,10,11	PM 3											
256	GIF131	3	Tin học đại cương_08(TQ8 22)_TH3	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10									1,2,3	PM 3			
257	GIF131	3	Tin học đại cương_08(TQ8 22)_TH4	Nguyễn Huyền Trang	17/03/2025-25/05/2025	10									3,4,5	PM 3			
258	GIF131	3	Tin học đại cương_09(TQ9 22)	Nguyễn Huyền Trang	10/02/2025-25/05/2025	15							4,5	3B.304					
259	GIF131	3	Tin học đại cương_09(TQ9 22)_TH1	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10					1,2,3	PM 2							
260	GIF131	3	Tin học đại cương_09(TQ9 22)_TH2	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10					3,4,5	PM 4							
261	GIF131	3	Tin học đại cương_09(TQ9 22)_TH3	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10					1,2,3	PM 4							
262	GIF131	3	Tin học đại cương_10(AT1 22)	Hoàng Thị Hà	10/02/2025-25/05/2025	15									2,3	3A.101			
263	GIF131	3	Tin học đại cương_10(AT1 22)_TH1	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10	7,8,9	PM 1											
264	GIF131	3	Tin học đại cương_10(AT1 22)_TH2	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10	9,10,11	PM 1											
265	GIF131	3	Tin học đại cương_10(AT1 22)_TH3	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10					7,8,9	PM 1							
266	GIF131	3	Tin học đại cương_11(AT2 22)	Bùi Đức Việt	10/02/2025-25/05/2025	15	4,5	3A.103											
267	GIF131	3	Tin học đại cương_11(AT2 22)_TH1	Nguyễn Huyền Trang	17/03/2025-25/05/2025	10			7,8,9	PM 2									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
268	GIF131	3	Tin học đại cương_11(AT2 22)_TH2	Nguyễn Hoàng	17/03/2025-25/05/2025	10			9,10,11	PM 4									
269	GIF131	3	Tin học đại cương_11(AT2 22)_TH3	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10			7,8,9	PM 4									
270	GIF131	3	Tin học đại cương_12(AT3 22)	Hoàng Hoài Nam	10/02/2025-25/05/2025	15	2,3	3A.104											
271	GIF131	3	Tin học đại cương_12(AT3 22)_TH1	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10											7,8,9	PM 1	
272	GIF131	3	Tin học đại cương_12(AT3 22)_TH2	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10											7,8,9	PM 2	
273	GIF131	3	Tin học đại cương_12(AT3 22)_TH3	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10							9,10,11	PM 1					
274	GIF131	3	Tin học đại cương_13(Anh1 22)	MG: Nguyễn Thị Ngân	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4	3A.201					
275	GIF131	3	Tin học đại cương_13(Anh1 22)_TH1	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10			7,8,9	PM 1									
276	GIF131	3	Tin học đại cương_13(Anh1 22)_TH2	Hoàng Hoài Nam	17/03/2025-25/05/2025	10			9,10,11	PM 1									
277	GIF131	3	Tin học đại cương_13(Anh1 22)_TH3	Nguyễn Huyền Trang	17/03/2025-25/05/2025	10							7,8,9	PM 2					
278	GIF131	3	Tin học đại cương_14(Anh2 22, AH 22)	Hoàng Hoài Nam	10/02/2025-25/05/2025	15									9,10	3B.101			
279	GIF131	3	Tin học đại cương_14(Anh2 22, AH 22)_TH1	Nguyễn Huyền Trang	17/03/2025-25/05/2025	10	7,8,9	PM 2											
280	GIF131	3	Tin học đại cương_14(Anh2 22, AH 22)_TH2	Hoàng Thị Hà	17/03/2025-25/05/2025	10											9,10,11	PM 4	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
281	GIF131	3	Tin học đại cương_14(Anh2 22, AH 22)_TH3	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10							9,10,11	PM 2					
282	GIF131	3	Tin học đại cương_15(QTĐV1 22, DVPL 22)	Hoàng Thị Hà	10/02/2025-25/05/2025	15	2,3	3A.501											
283	GIF131	3	Tin học đại cương_15(QTĐV1 22, DVPL 22)_TH1	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10									7,8,9	PM 1			
284	GIF131	3	Tin học đại cương_15(QTĐV1 22, DVPL 22)_TH2	Nguyễn Hoàng	17/03/2025-25/05/2025	10									9,10,11	PM 1			
285	GIF131	3	Tin học đại cương_15(QTĐV1 22, DVPL 22)_TH3	Bé Quang Huân	17/03/2025-25/05/2025	10					9,10,11	PM 1							
286	GIF131	3	Tin học đại cương_16(QTĐV2 22, DVPL 22)	Hoàng Thị Hà	10/02/2025-25/05/2025	15							2,3	3A.502					
287	GIF131	3	Tin học đại cương_16(QTĐV2 22, DVPL 22)_TH1	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10									7,8,9	PM 2			
288	GIF131	3	Tin học đại cương_16(QTĐV2 22, DVPL 22)_TH2	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10									9,10,11	PM 2			
289	GIF131	3	Tin học đại cương_16(QTĐV2 22, DVPL 22)_TH3	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10			9,10,11	PM 2									
290	GIF131	3	Tin học đại cương_17(DL 22)	Bùi Đức Việt	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2	3A.501							
291	GIF131	3	Tin học đại cương_17(DL 22)_TH1	Nguyễn Huyền Trang	17/03/2025-25/05/2025	10											1,2,3	PM 4	
292	GIF131	3	Tin học đại cương_17(DL 22)_TH2	Nguyễn Huyền Trang	17/03/2025-25/05/2025	10											3,4,5	PM 4	
293	GIF131	3	Tin học đại cương_17(DL 22)_TH3	Trịnh Minh Phú	17/03/2025-25/05/2025	10											3,4,5	PM 1	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
294	OPA221	2	Tổ chức hoạt động cơ quan bảo chi_01(BC 22)	Nguyễn Thị Trà My	10/02/2025-25/05/2025	15											4,5	3A.103	
295	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_01 (HQ1 22)	Đinh Thị Hiền	10/02/2025-25/05/2025	15									9,10,11	3A.104			
296	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_02 (HQ2 22)	Trịnh Thị Nghĩa	10/02/2025-25/05/2025	15			7,8,9	3A.202									
297	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_03 (KHQL1 22, BC 22)	Trương Thị Thảo Nguyên	10/02/2025-25/05/2025	15	3,4,5	3B.302											
298	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_04 (KHQL2 22, BC 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3B.204					
299	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_05 (DL 22, BC 22)	Trương Thị Thảo Nguyên	10/02/2025-25/05/2025	15							3,4,5	3A.401					
300	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_06 (CTXH 22, TV 22)	Trương Thị Thảo Nguyên	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3B.402									
301	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_07 (QTDV1 22, QLTN 22)	Lê Thị Sự	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.501									
302	ML.T131	3	Triết học Mác - Lênin_08 (QTDV2 22, TD 22)	Trịnh Thị Nghĩa	10/02/2025-25/05/2025	15			3,4,5	3A.502									
303	SAM231	3	Truyền thông văn động xã hội_01 (BC 22, TV 22)	Phạm Anh Nguyễn	10/02/2025-25/05/2025	15							7,8,9	3A.101					
304	TOV331	3	Tuyển điểm du lịch_01 (QTDV1 22)	Trần Thế Dương	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2	3A.501			
305	TOV331	3	Tuyển điểm du lịch_02 (QTDV2 22)	Trần Thế Dương	10/02/2025-25/05/2025	15	4,5	3A.502											
306	TOV331	3	Tuyển điểm du lịch_03(DL 22)	Trần Thế Dương	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2	3A.401											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
307	REC231	3	Văn hóa vùng và chính sách ngôn ngữ các DTTS VN_01 (DTTS 22)	Dương Thùy Linh	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2,3	3A.503											
308	VFL341	4	Văn học dân gian Việt Nam_01 (Văn1 22)	Hà Xuân Hương	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2	3A.302		4,5	3A.404				
				Hà Xuân Hương		15													
309	VFL341	4	Văn học dân gian Việt Nam_02 (Văn2 22)	Hà Xuân Hương	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2,3,4	3A.204			
310	PSS331	3	Vật lý chất rắn_01 (Lý 22)	Chu Thị Anh Xuân	10/02/2025-25/05/2025	15			1,2,3	3A.403									
311	GPH231	3	Vật lý đại cương_01 (QLTN 22, HóaCN 22)	Nguyễn Thị Khánh Vân	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3A.204					
312	MPA241	4	Vật lý hiện đại_01 (Lý 22)	Nguyễn Thị Luyến	10/02/2025-25/05/2025	15	1,2	3A.403											
				Nguyễn Thị Luyến		15					3,4	3A.504							
313	PSE262	6	Vật lý II_01 (Lý 22)	Ngô Thị Lan	10/02/2025-25/05/2025	15			4,5	3A.403									
				Ngô Thị Lan		15					1,2	3A.504							
				Ngô Thị Lan		10					7,8	PTN							
				Ngô Thị Lan		10													
				Trần Thị Phương Thảo	10/02/2025-25/05/2025	15			8,9,10,11	PTN					3,4,5	3B.302			
				Trần Thị Phương Thảo		15													
314	GES132	3	Xã hội học đại cương_01 (KHQL1 22)	Trần Thị Phương Thảo	10/02/2025-25/05/2025	15													

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
315	GES132	3	Xã hội học đại cương_02 (KHQL2 22)	Trần Thị Phương Thảo	10/02/2025-25/05/2025	15			7,8,9	3B.301									
316	GES132	3	Xã hội học đại cương_03 (TD 22)	Trần Thị Phương Thảo	10/02/2025-25/05/2025	15							1,2,3	3A.402					
317	BLT321	2	Xây dựng và phát triển vốn tài liệu_01(TV 22)	Lê Thị Quyên	10/02/2025-25/05/2025	15					1,2	3A.505							
318	THS131	3	Dao động và sóng_01(Lý 22 GV)	Lê Tiến Hà	10/02/2025-25/05/2025	15					3,4,5	3A.403							
319	MMP231	3	Phương pháp toán cho vật lý_01(Lý 22 GV)	Lê Văn Hoàng	10/02/2025-25/05/2025	15									1,2,3	3A.403			

Ghi chú:

- Các lớp học phần Giáo dục thể chất học tại Khu sân tập cạnh Nhà thi đấu đa năng;
- Các lớp học phần tại phòng máy (PM), Phòng nghiệp vụ Báo chí-Truyền thông (PNV BC) học tại khu Nhà Hiệu bộ
- Các lớp học phần tại phòng nghiệp vụ (phòng học P.) học tại Khu Thể dục thể thao Trường ĐHKH, cạnh Nhà thi đấu đa năng.
- Các lớp học phần tại phòng học CP và phòng thí nghiệm (PTN) học tại Khu Trung tâm TNTH Trường ĐHKH, nằm trong khuôn viên Trường ĐH CNTT & TT
- Các học phần mời giảng, thực tập thực tế, giờ thực hành (nếu có) sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa;

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/ Viện/ Bộ môn;
- Các phòng chức năng;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



TS. Nguyễn Thị Ngọc Oanh